TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-12-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Mẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thanh Thảo

2. Ông Bùi Quang Nghĩa

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Dũng, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1965. Có mặt

Địa chỉ: ấp 4, xã Th H, huyện C Đ, thành phố C Th

2. Bị đơn: Ông Trần T, sinh năm 1964. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: khu vực Th H, phường L H, quận Ô M, thành phố C Th

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Nguyên vào năm 1991, bà P với ông Trần T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Long, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ theo pháp luật quy định. Trong thời gian chung

sống, vợ chồng khá hạnh phúc, đến năm 2015 thì đôi bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà P đã cố gắng nhân nhượng để duy trì cuộc hôn nhân nhưng ngày càng mâu thuẫn, trầm trọng hơn là hai người đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay.

Do cuộc hôn nhân của vợ chồng mục đích không đạt được, nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Trần T

Về con chung: có 02 người tên Trần T Tín (nam) sinh ngày: 25/07/1992 và Trần Tính Duy (nam) sinh ngày: 15/10/1998. Tất cả đều trưởng thành, bà P không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P khai nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị P với ông Trần T chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, bà P có đơn yêu cầu ly hôn, nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa không lý do, mặc dù tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 để xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị P với ông Trần T có mối quan hệ vợ chồng với nhau, hai người có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Thới Long, huyện Ô Môn, nay là phường Thới Long, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bà P, thì bà P và ông T có hai người con chung, tên Trần T Tín và Trần Tính Duy, tất cả đều trưởng thành.

Theo bà P, từ khi kết hôn đến năm 2015, thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm

trong cuộc sống vợ chồng, hai bên thường xuyên cải vã với nhau, bà P nhường nhịn để duy trì hạnh phúc lâu vợ chồng, nhưng không có kết quả. Về phía ông T, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt không lý do, mặc dù đã được tòa án triệu tập đến để hòa giải cho đôi bên đoàn tụ nhưng ông T vẫn không đến, từ đó cho thấy ông T không quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng với bà P. Mặt khác, về thực tế thì ông T và bà P đã ly thân từ năm 2015 đến nay, vì vậy, bà P cho rằng tình cảm giữa ông T bà P hiện tại không còn, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được là có căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: có 02 người tên Trần T Tín (nam) sinh ngày: 25/07/1992 và Trần Tính Duy (nam) sinh ngày: 15/10/1998. Tất cả đều trưởng thành, bà P không yêu cầu xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P khai nhận không có và không yêu cầu tòa giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà P chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Trần T

- Về con chung: có 02 người tên Trần T Tín (nam) sinh ngày: 25/07/1992 và Trần Tính D (nam) sinh ngày: 15/10/1998. Tất cả đều trưởng thành, bà P không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà P khai nhận không có và không yêu cầu tòa giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), bà P phải chịu. Chuyển số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002130 ngày 21/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí (công nhận bà P đã nộp xong).

[3]Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự có mặt, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận Ô Môn;
- Thi hành án quận Ô Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Mẫn